

Bản án số: 255/2026/DS-ST
Ngày: 24-6-2026.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dân
2. Bà Thái Ánh Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 - Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên
tòa:*** Bà Phạm Ngọc Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần
Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 252/2026/TLST-
DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 1199/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 1235/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K

Địa chỉ: 4 P, phường R, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 2002, *có mặt*

Địa chỉ: I đường B khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ. Văn bản uỷ
quyền ngày 09/7/2024

- *Bị đơn:*

1. Chị Dương Thị N, sinh năm 1984, vắng mặt lần thứ 2 không lý do

2. Anh Tô Thanh V, sinh năm 1983, vắng mặt lần thứ 2 không lý do

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm
1968, *đề nghị vắng mặt*

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên
đơn trình bày và yêu cầu:*

Trước đây, ông Nguyễn Văn P là cộng tác viên của ngân hàng TMCP K1,

có ký hợp đồng dịch vụ và công việc của ông P là giới thiệu khách hàng cho ngân hàng. Hiện nay ông P cũng không còn là cộng tác viên với ngân hàng nữa.

Bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V là khách hàng do ông P giới thiệu, có vay tiền của ngân hàng TMCP K1, có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A928628/HĐTD – CC + A928633 ngày 20/11/2019 vay số tiền 35.000.000đ, đã được nhận đủ số tiền 35.000.000đ cùng ngày. Mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Thời hạn vay 180 ngày. Ngày trả nợ đầu tiên là 21/11/2019 và ngày trả cuối là 19/5/2020. Hình thức vay là có cầm cố xe hai bánh biển số 65H1 – 28007, do Dương Thị N đứng tên. Xe do chị N quản lý còn giấy tờ xe do ngân hàng quản lý.

Phương thức trả nợ là hàng ngày người vay đều phải trả cho ngân hàng 209.733đ, trong đó gốc là 194.430đ, nợ lãi là 15.342đ và người thu tiền chính là ông Pháp, sau đó ông P sẽ giao tiền cho ngân hàng.

Ngân hàng với ông P có thỏa thuận hàng ngày ông P đều phải giao tiền về cho ngân hàng sau khi thu tiền của khách hàng. Hình thức giao tiền là khi ông P có đủ tiền trong tài khoản thì ngân hàng sẽ trích thu từ tài khoản còn không đủ tiền ông P sẽ đóng tiền mặt thêm, trong đó ngân hàng sẽ có sao kê đầy đủ trong ngày từng khách hàng trả tiền cho ngân hàng. Ngân hàng có giao cho ông P cuốn sổ tự theo dõi khi thu tiền của ai được bao nhiêu thì khách hàng sẽ được ký nhận vào sổ và cho đến khi khách hàng đã trả hết nợ sẽ được ông P giao giữ sổ luôn. Ông P cho rằng đã giao sổ sách cho ngân hàng khi ông thôi làm cộng tác viên là không đúng. Ông P không có giao cho ngân hàng giữ cuốn sổ nào.

Bị đơn đã trả được nợ gốc 2.333.160đ, nợ lãi: 199.446đ, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng kể từ ngày 24.11/2019 đến nay không thanh toán cho ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V có trách nhiệm trả cho ngân hàng tính đến ngày 13/4/2026 nợ gốc 32.666.840đ, lãi trong hạn 2.577.456đ, lãi quá hạn 48.154.888đ. Tổng cộng 83.399.184đ.

Bị đơn Tô Thanh V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2026

Anh không vay tiền của ngân hàng TMCP K1. Anh với chị N là vợ chồng nhưng đã ly hôn và có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai ngày 10/3/2025. Chị N đã chuyển chỗ ở cũng không biết địa chỉ mới do không liên lạc. Chị N vay tiền anh không biết và cũng không nói với anh. Anh không biết ông Nguyễn Văn P, chưa từng gặp lần nào, không ký bất kỳ giấy tờ gì về việc vay tiền của ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP K1 anh không đồng ý, vì không vay tiền, cũng không biết việc vay tiền và anh không sử dụng số tiền vay này. Chiếc xe 65H1 – 280.07 cũng không biết. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

Bị đơn Dương Thị N quá trình giải quyết dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày tại

biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2026:

Trước đây ông là cộng tác viên của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K1, có ký hợp đồng dịch vụ và công việc của ông là giới thiệu khách hàng cho ngân hàng.

Bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V có vay tiền của ngân hàng TMCP K1, có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố. Số tiền vay bao nhiêu không nhớ. Về phương thức trả nợ là trả trực tiếp cho ông là người thu tiền hàng ngày rồi nộp tiền lại cho ngân hàng. Số tiền thu bao nhiêu không nhớ nhưng ông thu tiền được là nộp hết về ngân hàng. Về số tiền vay của Dương Thị N và Tô Thanh V là ông không thu được nhiều, họ không trả và đến nay còn nợ lại ngân hàng bao nhiêu cũng không biết. Do chưa đối chiếu lại khách hàng.

Quá trình thu nợ của khách hàng và nộp về ngân hàng ông đều có lập sổ theo dõi nhưng khi thôi làm cộng tác viên cho ngân hàng thì sổ sách theo dõi ngân hàng đã giữ hết, ông không giữ. Nên không cung cấp được cho Toà án. Hiện nay ông cũng không còn làm cộng tác viên cho ngân hàng nữa.

Qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng ông không ý kiến, Dương Thị N và Tô Thanh V nợ ngân hàng thì họ có trách nhiệm trả nợ. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất (nếu có).

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Đại diện nguyên đơn: nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Tính đến ngày 24/6/2026 bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc 32.666.840đ, nợ lãi trong hạn 2.577.456đ, nợ lãi quá hạn 49.701.294đ, tổng cộng 84.945.590đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Trường hợp không thanh toán được nợ, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe hai bánh biển số 65H1 – 280.07, chủ xe Dương Thị N. Hiện tại xe do Dương Thị N đang quản lý.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 24/6/2026 nợ gốc 32.666.840đ, nợ lãi trong hạn 2.577.456đ, nợ lãi quá hạn 49.701.294đ, tổng cộng 84.945.590đ.

Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 24/6/2026 nợ gốc 32.666.840đ, nợ lãi trong hạn 2.577.456đ, nợ lãi quá hạn 49.701.294đ, tổng cộng 84.945.590đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 20/11/2019 giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP K1 với bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A928628/HĐTD – CC + A928633 về việc cho bị đơn vay số tiền 35.000.000đ, bị đơn đã được giải ngân số tiền 35.000.000đ theo khế ước nhận nợ số A928628/HĐTD – CC + A928633. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày với lãi suất 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%. Hình thức trả góp nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng ngày, kể từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020.

Xét thấy, Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Bị đơn Dương Thị N quá trình giải quyết Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và triệu tập bị đơn nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt và không giao nộp, cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn Tô Thanh V cho rằng không vay tiền của nguyên đơn và hiện nay đã ly hôn với bị đơn N. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A928628/HĐTD – CC + A928633 được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân và bị đơn V không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi nguyên đơn không thừa nhận đồng thời phía ông Nguyễn Văn P xác định bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V có vay tiền của nguyên đơn, có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố do ông là người giới thiệu trong thời gian làm cộng tác viên của ngân hàng.

Từ các lập luận trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 20/11/2019 tài sản bảo đảm là: 01 xe máy, biển kiểm soát: 65H1 – 280.07, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 018149 do Dương Thị N đứng tên do Công an huyện T (cũ) cấp ngày 08/01/2018. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 20/11/2019 được các bên xác nhận, giao kết là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về nội dung và hình thức nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện do đó, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 254, 262, 264, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K1.

Buộc bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K1 số tiền nợ gốc 32.666.840đ (*ba mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*), nợ lãi trong hạn 2.577.456đ (*hai triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 49.701.294đ (*bốn mươi chín triệu, bảy trăm linh một nghìn, hai trăm chín mươi bốn đồng*), tổng cộng 84.945.590đ (*tám mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày 25/6/2026 bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố ngày 20/11/2019 tài sản bảo đảm là: 01 xe máy biển số: 65H1 – 280.07, số khung 3901HY360008, số máy JA39E0360054, chủ xe Dương Thị N, chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 018149 do Công an huyện T, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 08/01/2018 để ưu tiên thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Dương Thị N và Tô Thanh V phải nộp 4.247.000đ (*bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*)

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.025.916đ (*hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm mười sáu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001571, ngày 22/01/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSNDKV4 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Khúc Thị Hồng

